

Bản án số: 107/2018/HS-ST
Ngày 16-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Anh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 650/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng Khắc H, sinh ngày 17/11/1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 7, xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Khắc D1 và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Phạm Thị Mai P và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 25/9/2017; có mặt.

2. Hoàng Văn D, sinh ngày 14/4/1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 6, xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D2 và bà Hoàng Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 25/9/2017; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Khắc H: Ông Nguyễn Mạnh H1 và ông Đào Văn T1 – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng. Ông T1 vắng mặt, ông H1 có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn D: Bà Nguyễn Thị Thanh T3 - Luật sư Văn phòng Luật sư Tâm Nhân và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có gửi bài bào chữa).

Bị hại: Cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 20/7/2003; ĐKKHKT: Xóm Máy 2, xã HB, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1961, địa chỉ: Xóm Máy 2, xã HB, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình (là mẹ đẻ của cháu H2); có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:

Anh Hoàng Phú L, sinh năm 1989, trú tại: Thôn 7, xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người làm chứng:

1. Cháu Đinh Thị Thu T3 và người giám hộ của cháu T3; đều vắng mặt.
2. Cháu Nguyễn Thị Thu P1 và người giám hộ của cháu P1; đều vắng mặt.
3. Anh Hoàng Văn H3; có mặt.
4. Anh Trần Vĩnh P2 và chị Trần Thị N; anh P2 có mặt, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05h30' ngày 19/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thủy Nguyên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có 03 đối tượng nam giới điều khiển xe mô tô chở 01 người con gái đến Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên để cấp cứu, tuy nhiên khi đến bệnh viện thì nạn nhân đã bị chết. Nhân viên bảo vệ của bệnh viện cùng quần chúng nhân dân giữ được 01 đối tượng còn 02 đối tượng khác bỏ chạy. Xét hỏi đối tượng bị giữ khai tên Đặng Khắc H sinh năm 1989, 02 đối tượng bỏ chạy tên Hoàng Văn D, sinh năm 1988 và Hoàng Phú L, sinh năm 1989, đều trú tại xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và thu giữ 01 số vật chứng liên quan đến việc sử dụng ma túy tại phòng VIP 4 quán karaoke Phương Thảo.

Tài liệu điều tra xác định: Khoảng 20h ngày 18/9/2018, Đặng Khắc H cùng Hoàng Văn D đến quán café karaoke Phương Thảo của vợ chồng Trần Vĩnh P1 và Trần Thị N hỏi thuê phòng để hát karaoke, N bảo họ lên phòng VIP 4. H hỏi N “quán có bay không?” (nghĩa là có sử dụng ma túy không), N nói: “không, ở đây chỉ hát thôi”. H bảo N điều cho 02 nhân viên nữ lên phòng để bấm bài, N đã bảo

Nguyễn Thị H2, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2003, ĐKHKT: Xóm Máy, xã HB, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình và Đinh Thị Thu T3, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2002, ĐKHKT: Tổ 15 phường TH, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình lên phòng VIP 4 để phục vụ. H dặn N nếu bạn H đến thì điều thêm 01 nhân viên nữ nữa.

Tại phòng hát, H bảo D “tí nữa mua đồ về chơi” (nghĩa là mua ma túy về quán sử dụng), D đồng ý. H đưa cho D 4.300.000 đồng, D điện thoại cho người phụ nữ tên H4 (không rõ lai lịch, địa chỉ) hỏi mua 05 viên “keo” ma túy tổng hợp và 01 chỉ ketamine hết 3.700.000 đồng. Sau đó H gọi điện gọi Hoàng Văn H3, sinh năm 1981 và Hoàng Phú L, sinh năm 1989, đều ĐKHKT tại thôn 7, xã CN, huyện TN, thành phố Hải Phòng đến quán Phương Thảo chơi và bảo L qua nhà T4 (bạn H) lấy hộ H 3.000.000 đồng, L và H3 đồng ý. Khoảng 23h cùng ngày, Hoàng Phú L đến quán hát và đưa tiền cho H, H cầm và đưa tiếp cho D 1.000.000 đồng để mua thêm ma túy. D gọi điện hỏi mua thêm 02 viên ma túy tổng hợp nữa nhưng không được. Khoảng 23h30’ thì Hoàng Văn H3 đến quán hát. Một lúc sau có 01 thanh niên không quen biết đến quán hát đưa cho D 01 gói giấy bên trong có chứa 05 viên ma túy tổng hợp và 01 túi nilon chứa ketamine. D cầm gói ma túy mang lên phòng VIP 4 để trên bàn trước mặt H. H lấy 01 viên ma túy tổng hợp đưa cho H3 và nói: “anh chơi đi”, H3 cầm viên ma túy cắn làm đôi và sử dụng $\frac{1}{2}$, còn $\frac{1}{2}$ H3 đưa lại cho H, H cầm và đưa nửa viên ma túy đó cho L sử dụng. Tiếp đó H lấy 01 viên sử dụng và cầm 01 viên đưa cho H2 (tức T5 gầy) ngồi cạnh H và nói: “chơi đi”, H2 cầm viên ma túy và cho vào miệng sử dụng. D tự lấy 01 viên sử dụng. Khi Nguyễn Thị Thu P1, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2002, ĐKHKT: Thôn 12, xã TĐ, huyện TN, tỉnh Nam Định (là nhân viên do chủ quán gọi đến) vào phòng hát thì H2 cầm 01 viên ma túy cắn làm đôi rồi đưa cho T3 “béo” và P1 mỗi người $\frac{1}{2}$ viên, T3 cầm cho vào miệng còn P1 không sử dụng mà vứt xuống sàn phòng hát.

Sau khi sử dụng thuốc lắc và nghe nhạc mạnh được một lúc thì D lấy đĩa sứ đựng hoa quả của quán lau khô và dùng bật lửa làm khô bề mặt đĩa. D bảo H2 đi lấy ống hút, H2 lấy ống hút và đưa cho D, D cắt ống hút lấy được 01 đoạn ống dài khoảng 10 cm để làm dụng cụ hút ketamine. D đổ gói ketamine ra đĩa, dùng đèn từ điện thoại mượn của L và lấy chứng minh nhân dân (CMND) của H3 để đánh ketamine thành các đường thẳng, H, D, L, H3, H2 lần lượt sử dụng số ketamine trên đĩa. Khoảng 02h ngày 19/9/2017 H3 về trước, những người còn lại tiếp tục nghe nhạc và nhảy. Khoảng 4h30’ ngày 19/9/2017 H phát hiện thấy H2 bất tỉnh, T3 và P1 liền báo cho P2 chủ quán, P2 bảo đưa H2 đi bệnh viện, Sau đó L cầm lái xe mô tô BKS:16N4-1706 chở H2, còn H và D ngồi phía sau ôm H2 đến Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên nhưng H2 đã chết trên đường đi cấp cứu.

Tại Kết luận giám định số 186/KLGD ngày 25/9/2017 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: trong mẫu máu gửi giám định tìm thấy thành phần

N-Anpha-Dimethyl-3-4 (Methylen-dioxy), Phenethylamin 9MDMA), là chất ma túy thuộc nhóm kích thích thần kinh trung ương.

Tại Kết luận giám định số 187/2017/GDPY ngày 25/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Trên tử thi không có thương tích do ngoại lực tác động, nguyên nhân chết của Nguyễn Thị H2: sốc do ma túy.

Tại Kết luận giám định số 1030/KLGD ngày 28/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: tạp chất màu trắng bám dính bên trong 01 đĩa sứ hình tròn và 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng có dấu vết chất ma túy ketamine, không đủ điều kiện xác định trọng lượng của tạp chất; 02 mảnh viên nén màu hồng là ma túy, có trọng lượng 0,2094 gam là loại MDMA; dấu vết tạp chất thấm trên 07 que tăm bông có dấu vết chất ma túy MDMA; 01 mảnh giấy ăn màu trắng không tìm thấy dấu vết các chất ma túy; tạp chất màu trắng bám dính trên túi nilon có dấu vết chất ma túy Ketamine, không đủ điều kiện xác định trọng lượng của tạp chất; 03 ống hút nhựa màu trắng có dấu vết chất ma túy Ketamine.

Tại Kết luận giám định số 1031/KLGD ngày 28/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tìm thấy dấu vết chất ma túy MDMA và Ketamine trong các mẫu nước tiểu của Hoàng Phú L, Hoàng Văn D, Đặng Khắc H; tìm thấy dấu vết chất ma túy MDMA trong các mẫu nước tiểu của Hoàng Văn H3, Đinh Thị Thu T3; không tìm thấy dấu vết các chất ma túy trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Thị Thu P1.

Kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của Trung tâm Giáo dục – Lao động xã hội kết luận: Hoàng Văn D, Đặng Khắc H, Hoàng Phú L, Hoàng Văn H3, Đinh Thị Thu T3 không nghiện chất ma túy.

Về dân sự: Tại giai đoạn điều tra và truy tố, đại diện gia đình bị hại Nguyễn Thị H2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường mai tang phí, tổn thất tinh thần, cấp dưỡng nuôi mẹ bị hại, tổng cộng là 175.000.000 đồng; gia đình bị cáo H và gia đình bị cáo D mỗi gia đình đã bồi thường 20 triệu đồng; gia đình H3 hỗ trợ 10 triệu đồng, gia đình P2 (chủ quán) hỗ trợ 35 triệu đồng.

Vật chứng gồm: 01 hộp bìa caton, 02 phong bì niêm phong có chứa ma túy và các mẫu vật khác còn lại sau giám định; 04 điện thoại di động đã qua sử dụng; quần áo thu của H3, P1, T3 và 3.880.000 đồng – chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. 01 xe máy BKS 16N4-1706, Cơ quan điều tra ra quyết định tách để tiếp tục làm rõ chủ sở hữu, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 83/CT-VKS-P1 ngày 18 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Đặng Khắc H, Hoàng Văn D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 3 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Khắc H, Hoàng Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Ngoài ra, bị cáo H còn khai có hỏi chủ quán karaoke – anh Trần Vĩnh P2 “cho bọn em chơi một lúc” thì được anh P2 trả lời là “đợi quán hết khách thì chơi”, cả H và anh P2 đều hiểu “chơi” nghĩa là sử dụng ma túy. Anh Trần Vĩnh P2 khai: H không hỏi anh P2 về việc sử dụng ma túy. H chỉ hỏi chị Trần Thị N (vợ anh P2) lúc vào thuê phòng là “quán có cho bay không”, chị N trả lời là “không, chỉ hát thôi”. Sau đó H không hỏi lại thêm lần nào nữa. Tiến hành cho đối chất giữa bị cáo Đặng Khắc H và anh Trần Vĩnh P2, cả bị cáo H và anh P2 đều giữ nguyên lời khai.

Bị cáo D khai số tiền 1.200.000 đồng giao nộp Cơ quan điều tra là tiền của bị cáo H đưa cho D mua ma túy còn thừa.

Anh Hoàng Phú L khai: Anh L đã giao nộp 680.000 đồng cho Cơ quan Công an tại giai đoạn điều tra, đây là tài sản cá nhân của anh nên anh đề nghị xin lại.

Anh Trần Vĩnh P2 trình bày có hỗ trợ gia đình cháu Nguyễn Thị H2 35 triệu đồng, anh Hoàng Văn H3 trình bày có hỗ trợ gia đình cháu H2 10 triệu đồng, cả anh P2 và anh H3 đều tự nguyện hỗ trợ, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về khoản tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 197; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm a khoản 3 Điều 255; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt: Đặng Khắc H từ 15 đến 16 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 197; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm a khoản 3 Điều 255; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt: Hoàng Văn D từ 14 đến 15 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về dân sự: Trước khi xét xử, người bào chữa cho bị cáo H đã cung cấp Biên bản thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại ngày 10/11/2018 (có xác nhận của chính quyền địa phương), thể hiện gia đình bị cáo H và D đã bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 140.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D3 – mẹ bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Khắc H nêu quan điểm: Đồng ý với Kiểm sát viên về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo H, không đồng ý về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội đối với trẻ em*” theo điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015). Bởi lẽ, Nhà nước cấm các quán karaoke sử dụng người lao động dưới 18 tuổi nên khi vào quán karaoke các bị cáo đều nghĩ các nhân viên của quán đương nhiên từ 18 tuổi trở lên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội đối với trẻ em*”, cho các bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn D nêu quan điểm (Luật sư T2 vắng mặt có gửi bài bào chữa): Đồng ý về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo D. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi lẽ: Bị cáo D nhân thân không có tiền án, tiền sự; đây là lần đầu tiên bị cáo sử dụng ma túy, tuổi đời còn trẻ, không am hiểu pháp luật dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; đặc biệt bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại.

Các bị cáo không tranh luận gì đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Đặng Khắc H và Hoàng Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi liên quan đến vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ 20h ngày 18/9/2017 đến 04h ngày 19/9/2017, tại phòng VIP 4 quán karaoke Phương Thảo ở thôn 8, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng, Đặng Khắc H và Hoàng Văn D đã thống nhất cùng nhau mua ma túy về để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của chính các bị cáo và cho 04 người khác bao gồm Hoàng Phú L,

Hoàng Văn H3, Đinh Thị Thu T3, Nguyễn Thị H2, hậu quả làm Nguyễn Thị H2 chết do sốc ma túy. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Khắc H và Hoàng Văn D đã đồng phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Gây chết người*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 197 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng điểm a khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015).

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây thiệt hại đến sức khỏe của chính những người sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần phải bắt các bị cáo cách ly ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho 04 người, trong đó có 02 người là Nguyễn Thị H2 sinh ngày 20/7/2003 (14 tuổi 01 tháng 28 ngày) và Đinh Thị Thu T3 sinh ngày 07/4/2002 (15 tuổi 05 tháng 11 ngày). Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi là tình tiết khách quan, không thuộc ý thức chủ quan của các bị cáo, chỉ cần xác định người mà các bị cáo xâm phạm dưới 16 tuổi thì đã bị coi là phạm tội đối với trẻ em. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về tình tiết tăng nặng “*phạm tội đối với trẻ em*” theo điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015); không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra, cả hai bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại (có biên bản thỏa thuận về việc bồi thường); đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; sau khi phạm tội, bị cáo D ra đầu thú; bị cáo H có thời gian tham gia quân đội nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015).

[6] *Về vai trò:* Bị cáo Đặng Khắc H giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người rủ những người khác đến hát karaoke và khởi xướng việc dùng ma túy, bị cáo hỏi thuê phòng hát và bảo chủ quán gọi các nhân viên phục vụ nữ, đồng thời đưa tiền và bảo D mua ma túy, sau đó chính bị cáo mời mọi người sử dụng ma túy (trong đó có bị hại H2). Bị cáo Hoàng Văn D giữ vai trò là người giúp sức trực tiếp, là người thực hành: liên hệ mua ma túy, chuẩn bị dụng cụ và trực tiếp đánh ketamine để mọi người cùng sử dụng (trong đó có bị hại H2).

[7] Căn cứ vào tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, gia đình bị hại đã có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo

khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015); bị cáo D là người thực hành, vai trò thấp hơn bị cáo H nên chỉ cần xử phạt bị cáo H ở mức án khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xử phạt bị cáo D với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015) cũng đã đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015), người phạm tội còn có thể bị phạt tiền; Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không vì mục đích vụ lợi nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] *Về dân sự*: Trong Đơn xin xét xử vắng mặt và Đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị D3 – đại diện hợp pháp của bị hại đã nêu gia đình các bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại nên không có yêu cầu gì về vấn đề dân sự, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

[10] + 01 hộp bìa caton, 02 phong bì niêm phong có chứa ma túy và các mẫu vật khác còn lại sau giám định; quần áo thu của H3, P1, T3 đều không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] + 02 điện thoại di động Iphone 6 tạm giữ của H, D đều sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[12] + 01 điện thoại Iphone 5S tạm giữ của anh Hoàng Phú L và điện thoại Samsung màu vàng của bị hại H2, xét thấy đây đều là tài sản hợp pháp của L và H2 nên cần trả lại cho L và gia đình bị hại H2.

[13] + Số tiền 3.880.000 đồng, trong đó của H 3.200.000 đồng (tại phiên tòa, D khai số tiền 1.200.000 đồng là của H và H xác nhận là đúng) và 680.000 đồng của anh Hoàng Phú L đều không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo H 3.200.000 đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án; trả lại anh L 680.000 đồng.

[14] Việc anh Trần Vĩnh P2 và anh Hoàng Văn H3 hỗ trợ gia đình cháu Nguyễn Thị H2, xét thấy anh P2 và anh H3 đều tự nguyện hỗ trợ, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[15] Đối với 01 xe máy BKS 16N4-1706 do bị cáo H giao nộp là phương tiện L dùng để chở bị hại H2 đi cấp cứu, hiện chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra ra quyết định tách để tiếp tục làm rõ chủ sở hữu, xử lý sau là có căn cứ.

[16] Đối với Trần Vĩnh P2, có hành vi cho các đối tượng hát karaoke tại quán karaoke Phương Thảo do P2 làm chủ quá giờ quy định, tuy nhiên do P2 không biết

các đối tượng sử dụng ma túy tại phòng hát (tại phiên tòa cho đối chất giữa bị cáo Đặng Khắc H và P2, cả P2 và H đều giữ nguyên lời khai; ngoài lời khai của bị cáo H, không có tài liệu nào chứng minh việc P2 biết các bị cáo sử dụng ma túy) nên không có cơ sở để xử lý về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

[17] Đối với hành vi sử dụng lao động là trẻ em của chủ quán Trần Vĩnh P2, đây là hành vi không đúng quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý hành chính về hành vi này của P2 là có căn cứ.

[18] Đối với Hoàng Văn H3 có hành vi cho D mượn CMND, D đã sử dụng CMND đó để đánh ketamine và Hoàng Phú L cho D mượn điện thoại để soi đèn đánh ketamine, xét thấy hành vi phạm tội có mức độ, khi cho D mượn không biết D sử dụng để đánh ketamine, chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra không khởi tố các đối tượng này về hành vi đồng phạm giúp sức cho Hoàng Văn D tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[19] Đối với đối tượng tên Nguyễn Thị H4 hiện vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không tiến hành ghi lời khai được để xác định H4 có phải là đối tượng đã mua hộ ma túy cho D hay không, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách để làm rõ xử lý sau.

[20] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án:* Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 197; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm a khoản 3 Điều 255; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt:

Đặng Khắc H 15 (*Mười lăm*) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2017.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 197; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm a khoản 3 Điều 255; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt:

Hoàng Văn D 14 (*Mười bốn*) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2017.

2. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp bìa caton, 02 (hai) phong bì niêm phong có chứa ma túy và các mẫu vật khác còn lại sau giám định; quần áo thu của H3, P1, T3.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 02 (hai) điện thoại di động Iphone 6 tạm giữ của H, D.

+ Trả lại anh Hoàng Phú L 01 (một) điện thoại Iphone 5S và 680.000 (Sáu trăm tám mươi nghìn) đồng, trả lại gia đình bị hại H2 01 (một) điện thoại Samsung màu vàng.

+ Trả lại bị cáo H 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

(Đặc điểm chi tiết thể hiện theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/10/2018 và Biên lai thu tiền số AA/2012/0006092 ngày 17/10/2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đặng Khắc H và Hoàng Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đại diện hợp pháp của bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình

